

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 889/2024/DS-PT

Ngày: 30-9-2024

*V/v tranh chấp hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với
đất và tranh chấp về thừa kế tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các thẩm phán: Ông Lê Văn An

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 264/2024/TLPT- DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và tranh chấp về thừa kế tài sản*”; do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 09 tháng 05 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa án ra xét xử số 2604/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1960; cư trú tại: số A, tổ B, khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1963; cư trú tại: số B, đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Lâm Tấn N, sinh năm 1980; địa chỉ: 2 B, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1957; cư trú tại: số C, đường P, khóm B, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Hồ Vũ P1, sinh năm 1980; địa chỉ: khóm F, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Ngọc G (sinh năm 1953, chết năm 1986): chồng là ông Phạm Phú A và các con là ông Phạm Phú M, bà Phạm Minh C, ông Phạm Minh T1, ông Phạm Minh T2; cùng cư trú tại: số B, đường N, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1955; cư trú tại: số B E T, A (Hoa Kỳ - vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1964; cư trú tại: số F, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

4. Ông Nguyễn Văn L1 (T3), sinh năm 1966; cư trú tại: số F, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. *Người thừa kế thế vị của ông Nguyễn La V (sinh năm 1969, chết năm 1992):* ông Nguyễn La Tuấn A1, sinh năm 1990; cư trú tại: số H, khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1960; cư trú tại: số A, tổ B, khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Bà Nguyễn La T4, sinh năm 1972; cư trú tại: số F, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Bà Nguyễn La N1, sinh năm 1974; cư trú tại: số A M, St U, West Minster CA 92683 USA (Hoa Kỳ - vắng mặt).

8. Văn phòng C1 - trước đây là Văn phòng Công chứng Trần Mạnh H1. Trụ sở: số A, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T, Nguyễn Thị Mỹ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông/bà Nguyễn Văn L1, Nguyễn La Tuấn A1, Nguyễn La T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Phần trình bày của các nguyên đơn theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2020 và trong quá trình tố tụng như sau:

Cha mẹ của các đương sự là cụ ông Nguyễn Văn B (sinh năm 1926, chết năm 2015) và cụ bà Mã Thị X (sinh năm 1933, chết năm 2020) có tất cả 11 người con gồm Nguyễn Thị Ngọc G (chết năm 1986), Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Mỹ T, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Tấn T5 (chết năm 2015, không có vợ con), Nguyễn La V (chết năm 1992), Nguyễn Thị La T6, Nguyễn La N2.

Khi còn sống, cụ ông Nguyễn Văn B và cụ bà Mã Thị X có tạo lập được căn nhà cấp 4 có diện tích 35,95m² trên quyền sử dụng đất có diện tích 53,15m² thuộc thửa đất số 410, tờ bản đồ số 11 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401061343 do Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp vào ngày 29/7/2002 – vị trí nhà đất tọa lạc tại số F, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Ngày 03/10/2011, bị đơn được cha mẹ lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C2, nay là Văn phòng C1. Khoảng 10 ngày sau, các nguyên đơn được cha mẹ kê lại sự việc và biểu thị sự không đồng tình vì không có sự thuận ý của tất cả các anh chị em trong gia đình. Vì vậy, cụ ông Nguyễn Văn B có đến Văn phòng Công chứng đề yêu cầu hủy hợp đồng nhưng được giải thích là phải khởi kiện đến Tòa án.

Nay, các nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có số công chứng 109, quyền số 05/2011/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 03/10/2011 tại Văn phòng C2 – nay là Văn phòng C1 và chia thừa kế căn nhà có diện tích 35,95m² và quyền sử dụng đất có diện tích 53,15m² thuộc thửa đất số 410, tờ bản đồ số 11 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401061343 do Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp vào ngày 29/7/2002 – vị trí nhà đất tọa lạc tại số F, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Phần trình bày ý kiến của bị đơn:

Bị đơn không đồng ý với ý kiến của các nguyên đơn vì việc tặng cho là hoàn toàn tự nguyện của cha mẹ khi còn sống. Bản thân ông là người luôn chăm lo về kinh tế cho cha mẹ và người em trai Nguyễn Tấn T5 bị tâm thần (đã chết).

Ông đề nghị tòa án ghi nhận sự tự nguyện của ông là sử dụng tài sản được tặng cho – là căn nhà có diện tích 35,95m² và quyền sử dụng đất có diện tích 53,15m² thuộc thửa đất số 410, tờ bản đồ số 11 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401061343 do Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp vào ngày 29/7/2002 – vị trí nhà đất tọa lạc tại số F, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ - để làm nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ và giao cho ông Nguyễn Minh Đ trực tiếp quản lý.

Phần trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Phần trình bày của những người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị Ngọc G gồm chồng là ông Phạm Phú A và các con là ông Phạm Phú M, bà Phạm Minh C, ông Phạm Minh T1, ông Phạm Minh T2: không tranh chấp tài sản thừa kế gì của cụ ông Nguyễn Văn B và cụ bà Mã Thị X. Đồng thời, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt trong các phiên tòa.

Phần trình bày của ông Nguyễn Minh Đ: ông là người sống trong căn nhà của cha mẹ từ năm 2013 đến nay. Trong quá trình đó, ông có sửa chữa, nâng cấp nhà nhưng không có yêu cầu độc lập mặc dù đã được Tòa án giải thích. Ông đồng

ý với ý kiến của bị đơn là căn nhà này sẽ sử dụng vào việc thờ cúng ông bà, cha mẹ, ông sẽ trực tiếp quản lý vì bị đơn sinh sống ở tỉnh Cà Mau.

Phần trình bày của ông Nguyễn Văn L1 và người thừa kế thế vị của ông Nguyễn La V – ông Nguyễn La Tuấn A1: thống nhất phần trình bày và yêu cầu của các nguyên đơn và cho rằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà cha mẹ ông tặng cho bị đơn là không hợp pháp vì cha mẹ ông khi tặng cho không hỏi ý kiến của tất cả các con trong gia đình.

Phần trình bày của bà Nguyễn Thị La T6: năm 2011, bà có biết việc cha mẹ tặng cho bị đơn căn nhà số F, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Nếu Tòa án xác định căn nhà này là thuộc sở hữu của bị đơn thì bà không có tranh chấp; nếu Tòa án xác định căn nhà này là tài sản thừa kế thì bà yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Phần trình bày của Văn phòng C1: ngày 03/10/2011 tại Văn phòng C2 – nay là Văn phòng C1, cụ ông Nguyễn Văn B, cụ bà Mã Thị X và ông Nguyễn Văn P có đến yêu cầu được công chứng việc tặng cho tài sản giữa cá nhân với cá nhân. Sau khi xem xét năng lực hành vi dân sự của người tặng cho tài sản, người được tặng cho tài sản không có gì bất thường nên công chứng viên đã căn cứ vào khoản 2 Điều 8 và khoản 4 Điều 35 của Luật công chứng năm 2006 để thực hiện việc công chứng theo đúng quy định của pháp luật. Theo khoản 2 Điều 6 của Luật công chứng năm 2006 thì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có số công chứng 109, quyển số 05/2011/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 03/10/2011 tại Văn phòng C2 là văn bản công chứng có giá trị chứng cứ, những tình tiết, sự kiện trong văn bản công chứng không phải chứng minh...”.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần thơ đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T và bà Nguyễn Thị Mỹ H về yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có số công chứng 109, quyển số 05/2011/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 03/10/2011 tại Văn phòng C3 giữa người tặng cho là cụ ông Nguyễn Văn B, cụ bà Mã Thị X với người được tặng cho là bị đơn ông Nguyễn Văn P và yêu cầu chia tài sản thừa kế căn nhà có diện tích 35,95m² và quyền sử dụng đất có diện tích 53,15m² thuộc thửa đất số 410, tờ bản đồ số 11 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401061343 do Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp vào ngày 29/7/2002 – vị trí nhà đất tọa lạc tại số F, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Nguyễn Văn P trong việc sử dụng căn nhà số F, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ làm nơi thờ cúng của gia đình và giao cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Đ quản lý.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T, Nguyễn Thị Mỹ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông/bà Nguyễn Văn L1, Nguyễn La Tuấn A1, Nguyễn La T6 kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, những người kháng cáo đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng Bộ Luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật dân sự.

Về nội dung: căn nhà và đất tại thửa 410, diện tích 53,15m² – tọa lạc tại số F, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn Văn B và bà Mã Thị X đứng tên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401061343 do Ủy ban nhân dân tỉnh C (cũ) cấp ngày 29/7/2002; đây là tài sản chung của ông Nguyễn Văn B và bà Mã Thị X nên theo quy định của Luật đất đai, Luật Hôn nhân và gia đình thì ông bà có quyền định đoạt tài sản này mà không cần có ý kiến của các con. Năm 2011, ông Nguyễn Văn B, bà Mã Thị X lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với căn nhà và đất tại thửa 410, diện tích 53,15m² cho ông Nguyễn Văn P được công chứng vào ngày 03/10/2011 là hợp pháp nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các đương sự đều thừa nhận căn nhà có diện tích 35,95m² và quyền sử dụng đất có diện tích 53,15m² thuộc thửa đất số 410, tờ bản đồ số 11 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401061343 do Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp ngày 29/7/2002 – vị trí nhà đất tọa lạc tại số F, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ là của cụ Nguyễn Văn B và cụ Mã Thị X.

[2.2] Ngày 03/10/2011, cụ ông Nguyễn Văn B và cụ bà Mã Thị X đã đến Văn phòng Công chứng Trần Mạnh H1 để thực hiện việc tặng cho tài sản cho bị đơn ông Nguyễn Văn P. Việc tặng cho này là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đã được Văn phòng Công chứng chứng thực việc tặng cho này đúng theo trình tự, thủ tục quy định. Nguyên đơn khởi kiện cho rằng khi ông

B, bà X ký hợp đồng tặng cho bị đơn là do bị ép buộc và không hỏi ý kiến của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu hủy Hợp đồng tặng trên là hoàn toàn không có căn cứ để chấp nhận. Hơn nữa, sau khi được tặng cho, bị đơn ông Nguyễn Văn P không sử dụng mà vẫn dùng tài sản được cha mẹ là cụ ông Nguyễn Văn B và cụ bà Mã Thị X tặng cho làm nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ và giao cho ông Nguyễn Minh Đ quản lý. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ cũng thừa nhận ông đang quản lý nhà để chăm lo việc thờ cúng cha mẹ.

[2.3] Như vậy, căn nhà và đất tại số F, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ đã được cụ ông Nguyễn Văn B và cụ bà Mã Thị X tặng cho hợp pháp ông Nguyễn Văn P nên không còn là di sản để chia thừa kế cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Nguyễn Văn B và cụ bà Mã Thị X như yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4] Tại phiên tòa, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì khác nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có cơ sở.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T, Nguyễn Thị Mỹ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông/bà Nguyễn Văn L1, Nguyễn La Tuấn A1, Nguyễn La T6 phải chịu án phí theo quy định. Trong đó, bà Nguyễn Thị Mỹ T và Nguyễn Thị Mỹ H là người cao tuổi nên được miễn.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T, bà Nguyễn Thị Mỹ H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông/bà Nguyễn Văn L1, Nguyễn La Tuấn A1, Nguyễn La T6; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ T, bà Nguyễn Thị Mỹ H được miễn.

- Ông Nguyễn Văn L1, ông Nguyễn La Tuấn A1, bà Nguyễn La T6 mỗi người phải nộp 300.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0001832, 0001833 và 0001834 cùng ngày 06/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn An

Nguyễn Thị Thúy Hòa

Nguyễn Thị Cúc